

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Vân;
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mộng Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm BÐ2, phường BÐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Đồng T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 36, khóm BÐ2, phường BÐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2022; tờ tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2022 và tờ trình bày ý kiến ngày 29 tháng 4 năm 2022 nguyên đơn bà Phạm Thị Mộng Đ thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Lê Đồng T sau thời gian tìm hiểu cả hai đã đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường Bình Đức ngày 21 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do cuộc hôn nhân của ông, bà không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông T;
- Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đồng T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 24 tháng 6 năm 2022: Bà Đ vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông T. Ông T có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 21 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cả hai không có tiếng nói chung Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà Đ và ông T; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà Đ và ông T có một con chung cháu Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2011. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Ng, ngày 03 tháng 3 năm 2022 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do ông T không có văn bản thể hiện yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và cũng không tranh chấp việc nuôi con chung với bà Đ nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2011 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đ phải tạo điều kiện cho ông T trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà Đ trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đ, ông T phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Mộng Đ với ông Lê Đồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/Q.01/2016 do UBND phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Phạm Thị Mộng Đ và Lê Đồng T ngày 21 tháng 4 năm 2016 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2011 giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

Bà Đ phải tạo điều kiện cho ông T trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001034 ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Đ đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Mộng Đ, ông Lê Đồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu